

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/DS-ST
Ngày 15/8/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huỳnh Sinh và ông Trần Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường V - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐST- DS, ngày 08 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-DS ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: A P, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Thái H – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh – Đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo Quyết định ủy quyền số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/08/2022).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Trương Thị Tú O – Chức vụ: Nhân viên quản lý tín dụng – Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh N (theo Quyết định số 08/QĐUQ.NTN ngày 20/03/2024) (có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Ngọc T1, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố G, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà **Trần Ngọc T1** và **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh N** (sau đây viết tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00823812/0159050401T20002 ngày 05/08/2020, Ngân hàng cho bà **Trần Ngọc T1** vay vốn để phục vụ nhu cầu tiêu dùng như sau: Tổng số tiền cho vay: 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), lãi suất cho vay (tại thời điểm ký hợp đồng lãi suất): 8%/năm. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi trong hạn. Thời hạn cho vay: từ 05/08/2020 đến ngày 05/08/2025.

Trong quá trình vay, từ ngày 05/08/2020 đến ngày 15/8/2024, bà **Trần Ngọc T1** trả được tổng số tiền như sau: Vốn: 35.366.027 đồng; Lãi trong hạn: 22.405.465 đồng; Lãi quá hạn: 63.508 đồng. Tổng cộng: 57.835.000 đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng)

Hiện tổng nợ tính đến ngày 15/8/2024 của bà **Trần Ngọc T1** là: 33.824.926 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng) Trong đó: Vốn: 29.633.973 đồng, lãi trong hạn: 3.594.535 đồng, lãi quá hạn: 596.418 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà **Trần Ngọc T1** trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 15/8/2024 là: 33.824.926 đồng, bà **Trần Ngọc T1** phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh kể từ ngày 16/8/2024 với lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00823812/0159050401T20002 ký ngày 05/08/2020 cho đến khi thi hành án xong.

*Đối với bị đơn bà **Trần Ngọc T1**: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà **T1** nhưng bà **T1** vẫn vắng mặt không có lý do.*

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại phường P, TP . - T. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - T đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ, bị đơn đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn, Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp 00823812/0159050401T20002 ngày 05/8/2020, danh sách cho vay trả góp qua tài khoản thẻ, thấy rằng các giấy tờ trên đều có tên và chữ ký của bà Trần Ngọc T1. Căn cứ vào các chứng cứ trên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 05/8/2020, bà Trần Ngọc T1 vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), lãi suất cho vay (tại thời điểm ký hợp đồng lãi suất): 8%/năm. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi trong hạn. Thời hạn cho vay: 60 tháng (từ 05/8/2020 đến ngày 05/8/2025). Từ ngày 05/8/2020 đến ngày 15/8/2024, bà Trần Ngọc T1 trả được tổng số tiền như sau: Vốn: 35.366.027 đồng; Lãi trong hạn: 22.405.465 đồng; Lãi quá hạn: 63.508 đồng. Tổng cộng: 57.835.000 đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

[2.2] Đến hạn trả nợ bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Từ ngày 20/3/2024, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn đã thỏa thuận là phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký kết và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Tính đến ngày 15/8/2024 của bà Trần Ngọc T1 còn nợ Ngân hàng số tiền: 33.824.926 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng) Trong đó: Vốn: 29.633.973 đồng, lãi trong hạn: 3.594.535 đồng, lãi quá hạn: 596.418 đồng.

[2.3] Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Trần Ngọc T1 vắng mặt, không cung cấp

bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ Luật dân sự và khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ**.
2. Buộc bà **Trần Ngọc T1** có nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** số tiền 33.824.926 đồng (*Ba mươi ba triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng*) trong đó: Vốn: 29.633.973 đồng, lãi trong hạn: 3.594.535 đồng, lãi quá hạn: 596.418 đồng.
3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà **Trần Ngọc T1** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** thì lãi suất mà bà **Trần Ngọc T1** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ**.
4. Về án phí: Bà **Trần Ngọc T1** phải chịu: 1.691.000 đồng (Một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** số tiền 834.000 đồng (Tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002525 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - **T, tỉnh Ninh Thuận**.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Liên Trần Văn Bình

Nguyễn Xuân Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Liên Lê Đình Nguyên

Nguyễn Xuân Hùng